TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày: 13-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Kỳ Trung;

Ông Nguyễn Văn An.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyện – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T, sinh năm 1964, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố A, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Trần Thị Ph (đã chết); có vợ tên Nguyễn Thị H, có 02 người con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2001); tiền án, tiền sự: Chưa có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/10/2024 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố AQ, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hiền Nhân, sinh năm 1996; cư trú tại: Khu phố A, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn T là nhân viên thanh tra và xử lý tai nạn thuộc Công ty TNHH A và có quen biết với ông Nguyễn Thanh P (là tài xế taxi của Công ty A). Ngày 20/6/2022, ông P điều khiển xe ô tô gây tai nạn chết người tại ấp Hậu, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên ông P có ký hợp đồng ủy quyền cho T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi để giải quyết vụ việc. Sau khi được ông P ủy quyền, T đã nhiều lần đến Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi để cung cấp các tài liệu liên quan đến ông P và biết việc đại diện gia đình của các nạn nhân trong vụ tai nạn có yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên T nảy sinh ý định nói dối với ông P để ông P đưa tiền cho T thay mặt ông P bồi thường. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023, T đã 04 lần đến nhà ông P tại khu phố An Quới, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và yêu cầu ông P đưa cho T số tiền nhiều nhất là 150.000.000 đồng, thấp nhất là 23.000.000 đồng để bồi thường cho những người liên quan trong vụ tai nạn. Tổng số tiền ông P đã đưa cho T là 350.000.000 đồng, T sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Cáo trạng số 100/CT-VKSTrB ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Do bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 230.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo trình bày: bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu và đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 230.000.000 đồng.

Bị hại trình bày: Bị cáo chiếm đoạt số tiền của bị hại là 350.000.000 đồng. Hiện nay, anh Nguyễn Hiền N (con của bị cáo) đã trả lại cho bị hại số tiền 120.000.000 đồng. Bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 230.000.000 đồng và yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Đối với anh Nguyễn Hiền N đã vắng mặt tại phiên tòa nhưng hồ sơ đã thể hiện rõ lời khai của anh N. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023, tại khu phố An Quới, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, lợi dụng lòng tin của ông Nguyễn Thanh P về việc ủy quyền cho Nguyễn Tấn T tham gia giải quyết vụ tai nạn giao thông có liên quan đến ông P nên T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của ông P số tiền 350.000.000 đồng

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Đồng thời, hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần nghiêm trị để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho bị hại do hành vi của bị cáo gây ra. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có một tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Các biện pháp tư pháp:

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường số tiền 230.000.000 đồng cho bị hại.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Tài phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 11.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2024.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 11.500.000 (mười một triệu năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Báo cho bị cáo, bị hại biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm